TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2020
V/v:"*Ly hôn, nuôi con chung*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Chế Công Nghị.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST - HN&GĐ ngày 06/12/2019; về việc Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2020và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện P, Gia Lai (có mặt).

Bị đơn: anh Mai Văn L, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện P, Gia Lai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh L kết hôn vào ngày 29/6/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, lý do là anh L bạo hành đánh đập tôi rất nhiều lần gây thương tích, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng anh L chỉ hứa không thay đổi gì, anh L không quan tâm đến gia đình, hay gây áp lực cho vợ con, tôi cố gắng chịu đựng nhưng càng chịu đựng anh càng làm tới, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bản thân tôi không thể chịu đựng được nữa, chính vì vậy mà vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, hiện nay tôi không còn tình cảm yêu thương anh L nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, để tránh những điều đáng tiếc có thể xảy ra; yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L theo quy định

Về con chung: Tôi và anh L có 02 con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 03/3/2013 và Mai Tiến D, sinh ngày 12/8/2015; tôi nuôi dưỡng 02 cháu từ nhỏ và hiện đang ở với tôi, còn cháu Thy ở với ai là quyền của cháu; nguyện vọng của tôi yêu cầu Tòa án giao 02 con cho tôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.800.000đồng/02con/tháng cho đến khi 02 con thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định.

Đối với bị đơn anh Mai Văn L:

Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh L không lên làm việc, không có mặt, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục không tống đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải...tại địa chỉ và nơi ở của anh L; Uỷ ban nhân dân xã và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định, nhưng anh L vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57; 81; 82; 83; 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ về tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết ly hôn của chị Trần Thị T với anh Mai Văn L.

Về con chung: chị T và anh L có 02 con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 03/3/2013 và Mai Tiến D, sinh ngày 12/8/2015; chị T là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung từ nhỏ và nguyện vọng của cháu Thy cũng muốn ở với mẹ, nên việc giao con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là có cơ sở; chị T yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.800.000đồng/02con/tháng cho đến khi 02 con thành niên và tự lập được, xét yêu

cầu trên là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị
đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị Trần Thị T và anh Mai Văn L kết hôn trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa chị T và anh L luôn xảy ra (theo biên bản xác minh và chị T khai) vợ chồng hay bất đồng quan điểm, anh L hay đánh đập chị T và chị T đã nộp các hóa đơn thuốc, xác nhận thương tích.., anh L không có trách nhiệm với gia đình, chị T và anh L sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, tình cảm giữa chị T và anh L không còn. Hội đồng xét xử, xét cuộc sống vợ chồng chị T và anh L không có ý thức hỗ trợ chia sẻ nhau trong công việc, tình cảm giữa chị T và anh L thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; mặc dù anh L không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn; việc chị T khai là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ việc quan tâm về tình cảm của vợ chồng phải diễn ra thường xuyên và liên tục, họ ly thân nhau quá lâu rồi, chứng tỏ họ không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, trách nhiệm của anh L đối với vợ con trong thời gian ly thân là không còn; vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh L là có cơ sở.

[3] *Về con chung*: chị T và anh L có 02 con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 03/3/2013 và Mai Tiến D, sinh ngày 12/8/2015; chị T là người chăm sóc nuôi dưỡng 02 con từ nhỏ, quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu Thy muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; đối với cháu Dũng còn nhỏ, nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ là rất cần thiết, để con trẻ phát triển hoàn thiện về mọi mặt thể chất cũng như tinh thần, nên việc giao 02 con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.800.000đồng/02con/tháng cho đến khi 02 con thành niên và tự lập được, xét yêu cầu của chị T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57; 81; 82; 83; 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Về hôn nhân: chị Trần Thị T được ly hôn anh Mai Văn L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 03/3/2013 và Mai Tiến D, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Trần Thị T là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thy và cháu Dũng thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Mai Văn L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung (Mai Bảo T - Mai Tiến D) cho chị Trần Thị T số tiền là 2.800.000đồng/02con/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: + Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006399 ngày 04/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

+ Anh Mai Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15ngày, kể từ ngày tuyên án (15/7/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng anh L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKSND.H Phú Thiện;
-Chi cục THADS.H Phú Thiện;
-Người tham gia tố tụng;
-UBND xã nơi ĐKKH;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Bùi Đức Ruyệt